

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2 - VĨNH LONG
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 26 - 8 - 2025
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - VĨNH LONG, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Minh Tân.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Văn Bé Hai.

2. Bà Nguyễn Thị Kim Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Ánh - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Đạt - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 - Vĩnh Long tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 306/2025/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2025 về “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Tô Thị Ánh V, sinh năm 1997 (Có mặt).

Địa chỉ: Số E, khóm T, phường T, tỉnh Vĩnh Long.

- Bị đơn: Anh Trần Hồng T, sinh năm 1995 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp B, xã H, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 22 tháng 4 năm 2025 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Tô Thị Ánh V trình bày:

- Về hôn nhân: Trên cơ sở quen biết, được sự đồng ý của gia đình, chị và anh Trần Hồng T tổ chức lễ cưới năm 2015, đăng ký kết hôn ngày 18/02/2016 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Vĩnh Long (Nay là Ủy ban nhân dân phường T, tỉnh Vĩnh Long). Thời gian vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 03 năm (năm 2015 làm thuê, sinh sống tại Thành phố Hồ Chí Minh, năm 2016 chuyển về sinh sống tại nhà cha mẹ ruột của chị V), đến tháng 10/2018

chuyển đến sinh sống tại nhà cha mẹ ruột của anh T thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do mẹ anh T quản lý toàn bộ thu nhập của vợ chồng, mọi chi tiêu sinh hoạt hàng ngày đều phải xin. Mặc dù, vợ chồng nhiều lần bàn bạc với mẹ anh T về việc này, nhưng kết quả vẫn không thay đổi, trong khi anh T không có chủ kiến, làm cho vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên xảy ra cự cãi dẫn đến mất hạnh phúc. Nên tháng 11/2018 chị bỏ về nhà cha mẹ ruột sống ly thân với anh T cho đến nay không trở về đoàn tụ. Sau thời gian sống ly thân, nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị yêu cầu được ly hôn với anh T.

- Về con chung, nuôi con và nghĩa vụ cấp dưỡng cho con: Chị và anh T có với nhau 02 người con chung tên Trần Thái Gia B, sinh ngày 25/11/2015 và Trần Thái Bảo D, sinh ngày 29/10/2018 hiện anh T đang nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn, chị thống nhất giao cháu B, cháu D cho anh T được trực tiếp nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng cho con.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 08 tháng 8 năm 2025, bị đơn anh Trần Hồng T trình bày:

Thông nhất lời trình bày của chị V về quan hệ hôn nhân, thời gian sống ly thân, con chung, tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng. Theo anh, việc vợ chồng không thể tạo lập kinh tế riêng là do trong thời sinh sống tại nhà cha mẹ ruột chị V từ năm 2016 đến tháng 10/2018, anh làm thợ sơn PU đồ gỗ phụ việc cha chị V không được trả lương, khi cần chi tiêu vợ chồng phải xin tiền cha mẹ chị V, hoàn toàn không phải do mẹ anh quản lý thu nhập của vợ chồng như chị V trình bày. Sau khi sinh cháu D, vợ chồng mới chuyển về sinh sống tại nhà cha mẹ ruột của anh được khoảng 01 tháng thì chị V tự ý bỏ đi không rõ nguyên nhân, vợ chồng sống ly thân cho đến nay không trở về đoàn tụ. Theo yêu cầu khởi kiện của chị V, anh có ý kiến đề nghị Tòa án giải quyết như sau:

- Về hôn nhân: Anh đồng ý ly hôn với chị V.

- Về con chung, nuôi con và nghĩa vụ cấp dưỡng cho con: Sau khi ly hôn, anh yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu B và cháu D, không yêu cầu chị V cấp dưỡng cho con.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh T đề nghị Toà án giải quyết, xét xử vắng mặt.

Tại biên bản ghi lời trình bày ngày 08 tháng 8 năm 2025, cháu Trần Thái Gia B và cháu Trần Thái Bảo D trình bày:

Sau khi cha mẹ ly hôn, hai cháu có nguyện vọng được tiếp tục chung sống với anh T.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Anh T đã được triệu tập xét xử hợp lệ vắng mặt.

Chị V trình bày: Do công ty không duyệt đơn nghỉ phép nên chị không thể đến tham dự buổi hòa giải ngày 08/8/2025, để Tòa án ghi nhận tự nguyện ly hôn theo yêu cầu của chị và ý kiến của anh T, đồng thời để thỏa thuận các vấn đề khác trong vụ án trước khi mở phiên tòa xét xử. Chị không có ý kiến tranh luận đối với lời trình bày, ý kiến đề nghị giải quyết vụ án của anh T; thống nhất nguyện vọng của cháu B, cháu D; chị đồng ý chịu án phí giải quyết ly hôn theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Vĩnh Long phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến thời điểm hiện nay thấy rằng Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, không có vi phạm.

Về việc giải quyết vụ án: Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào lời trình bày của đương sự, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa đã được Kiểm sát viên nhận định, phân tích, cùng với điều luật viện dẫn đề nghị áp dụng như trong Phát biểu. Đề nghị Tòa án giải quyết:

- Về nội dung: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị V và anh T. Giao cháu B và cháu D cho anh T được trực tiếp nuôi dưỡng; ghi nhận ý kiến của anh T không yêu cầu chị V cấp dưỡng cho con; chị V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng, các đương sự không tranh chấp yêu cầu giải quyết, nên không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Ghi nhận sự tự nguyện của chị V đồng ý chịu án phí công nhận thuận tình ly hôn số tiền 150.000 đồng. Số tiền này được khấu trừ vào trong số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp, nên hoàn trả cho chị V được nhận lại số tiền 150.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định như sau:

- Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xác định đây là yêu cầu về ly hôn, tranh chấp về nuôi con, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Vĩnh Long.

[2] Về phạm vi xét xử: Căn cứ vào khoản 1 Điều 5, khoản 1 Điều 188 Bộ luật Tố tụng dân sự, xét ngoài yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con như nhận định giải quyết tại các mốc đơn [1], [2] “*Về nội dung*”, các đương sự không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng nên Tòa án không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

[3] Về thủ tục xét xử: Căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh T theo thủ tục chung.

- Về nội dung:

[1] Về hôn nhân: Chị V, anh T là vợ chồng hợp pháp, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Xuất phát từ nguyên nhân mâu thuẫn về kinh tế, chị V và anh T không tiếp tục chung sống, cả hai có thời gian dài sống ly thân từ tháng 11/2018 đến nay không trở về đoàn tụ, là vi phạm nghiêm trọng tình nghĩa - nghĩa vụ vợ chồng, hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Trước khi mở phiên tòa xét xử, chị V, anh T thống nhất tự nguyện ly hôn. Căn cứ vào Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án giải quyết công nhận thuận tình ly hôn giữa chị V và anh T.

[2] Về con chung, nuôi con và nghĩa vụ cấp dưỡng cho con: Xét cháu B đã trên 9 tuổi, cháu D đã trên 7 tuổi, cả hai cháu đều có nguyện vọng được tiếp tục sống chung với anh T. Để ổn định môi trường sống, học tập, quyền lợi về mọi mặt và nguyện vọng chính đáng của các cháu. Căn cứ vào khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án giải quyết giao cháu B, cháu D cho anh T được trực tiếp nuôi dưỡng; ghi nhận ý kiến của anh T không yêu cầu chị V cấp dưỡng cho con; chị V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

[3] Từ những phân tích và điều luật viện dẫn áp dụng tại các mốc đơn [1], [2], [3] “*Về tố tụng*” và các mốc đơn [1], [2] “*Về nội dung*”, Tòa án chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị V, chấp nhận ý kiến đề nghị của anh T giải quyết theo hướng đã nhận định như trên.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Ghi nhận ý kiến của chị V; căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, kèm theo danh mục án phí, lệ phí Tòa án, Tòa án giải quyết chị V phải chịu án phí giải quyết công nhận thuận tình ly hôn số tiền 150.000 đồng và được khấu trừ vào trong số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp, hoàn trả cho chị V được nhận lại số tiền 150.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 55, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 5, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 188, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, kèm theo danh mục án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Tô Thị Ánh V và anh Trần Hồng T.

2. Về con chung, nuôi con và nghĩa vụ cấp dưỡng cho con:

2.1. Giao cháu Trần Thái Gia B, sinh ngày 25 tháng 11 năm 2015 và cháu Trần Thái Bảo D, sinh ngày 29 tháng 10 năm 2018 cho anh Trần Hồng T được trực tiếp nuôi dưỡng.

2.2. Ghi nhận ý kiến của anh Trần Hồng T không yêu cầu chị Tô Thị Ánh V cấp dưỡng cho con.

2.3. Chị Tô Thị Ánh V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ghi nhận ý kiến của chị Tô Thị Ánh V tự nguyện nộp án phí giải quyết công nhận thuận tình ly hôn số tiền 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn) đồng. Số tiền này được khấu trừ vào trong số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí chị V đã nộp theo biên lai thu số No 0002404 ngày 13 tháng 6 năm 2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 2 - Vĩnh Long.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Vụ án được xét xử công khai. Có mặt chị Tô Thị Ánh V, vắng mặt anh Trần Hồng T. Báo cho chị V có mặt biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để Tòa án cấp trên xem xét theo thủ tục phúc thẩm. Riêng anh T vắng mặt thì thời hạn kháng cáo nêu trên được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long: 02;
- VKSND khu vực 2-Vĩnh Long: 02;
- Phòng THADS khu vực 2-Vĩnh Long: 01;
- UBND phường T: 01;
- ND + BD: 02;
- Lưu hồ sơ vụ án: 01;
- Lưu án văn: 06.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Cao Minh Tân